

Bản án số: 65/2020/DSPT

Ngày: 22/7/2020

V/v “*Tranh chấp chia thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Hoài Thanh.

Ông Võ Công Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Quang T; cư trú tại số nhà A3 (phòng 27, tầng 4) khu tập thể Liên Cơ, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Mộng Th; cư trú tại thôn M, xã M2, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị H; cư trú tại thôn M, xã M2, huyện P, tỉnh Bình Định (có đơn yêu cầu xử vắng mặt).

2. Ông Võ Ngọc A; cư trú tại số nhà 50/7 đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Ông Võ Hoài N; cư trú tại số nhà 69/28 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. Anh Võ Minh Th1; cư trú tại thôn Ph, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Mộng Th – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Quang Tạo trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Võ Minh H1, Lâm Thị H2 có 06 người con gồm: Võ Thị H, Võ Ngọc A, Võ Quang T, Vũ Mộng Th, Võ Minh Th1 và Võ Hoài N. Cha ông chết ngày 17/8/2006, không để lại di chúc; mẹ ông chết ngày 02/11/2015, có để lại di chúc.

Tài sản cha mẹ để lại gồm: Thửa đất số 366, diện tích 279m² (đất trồng lúa); thửa số 369, diện tích 544m² (đất trồng lúa); thửa số 1498x, diện tích 330m² (đất màu); thửa số 86, diện tích 518m² (đất màu) và thửa số 85, diện tích 1.920m² (đất ở: 200m² và đất vườn: 1.720m²). Tất cả các thửa đất nêu trên đều thuộc tờ bản đồ số 7 (Bản đồ 299) tại thôn M, xã M2, huyện P, tỉnh Bình Định. Trên thửa đất số 85 có ngôi nhà do cha mẹ xây dựng từ năm 1997 hiện nay đã bị hư hỏng. Trên thửa đất số 86, cha mẹ làm 01 nhà quán ở phía Tây còn ở phía Đông, bà Võ Thị H xây dựng 01 ngôi nhà nhỏ hiện bà H đang ở.

Ngày 25/10/2008, mẹ ông lập di chúc để lại $\frac{1}{2}$ tài sản gồm quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất và phần mà mẹ ông được hưởng thừa kế của cha ông cho ông. Ông yêu cầu công nhận di chúc của mẹ ông và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản mà cha ông để lại.

Bị đơn ông Vũ Mộng Th trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của ông Võ Quang T về quan hệ gia đình. Đối với di sản của cha mẹ để lại, ngoài các tài sản mà ông T khai, ông bổ sung thêm là khi còn sống, mẹ ông có đưa cho ông T08 chỉ vàng y hiện ông T đang quản lý số vàng này. Đối với Di chúc lập ngày 25/10/2008 của mẹ ông, ông xác nhận chữ ký trong di chúc là của mẹ nhưng theo ông tại thời điểm lập di chúc mẹ ông không còn minh mẫn, không nhận thức được hành vi nên ông yêu cầu tòa xem xét tính hợp pháp của bản di chúc. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T mà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H, ông Võ Ngọc A, ông Võ Minh Th1 và ông Võ Hoài N trình bày:

Thống nhất với lời khai của ông Võ Quang T về quan hệ gia đình và di sản mà cha mẹ để lại. Bà H, ông Th1 và ông N cho rằng cụ Lâm Thị H2 không để lại di chúc. Bản di chúc của cụ H2 do ông T xuất trình trong đó có nội dung để lại $\frac{1}{2}$ khối di sản cho ông T sở hữu và sử dụng là không xác định được nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ. Chỉ riêng ông Võ Ngọc A là thừa nhận di chúc của cụ H2 nên yêu cầu công nhận di chúc.

Bản án số 87/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đã xử:

- Xác định di chúc của cụ Lâm Thị H2 lập ngày 25/10/2008 là hợp pháp. Tài sản của cụ Lâm Thị H2 và cụ Võ Minh H1 được chia theo pháp luật và theo di chúc như sau:

1. Giao cho ông Võ Quang T được trọn quyền sở hữu và sử dụng một ngôi nhà cấp N8 diện tích 15,91m² tại thửa đất số 56 tờ bản đồ số 51 (đo đạc Vlap), 01 giếng nước, 32 cây dừa, 12 cây me, 08 cây bạch đàn, 02 cây mận, 02 cây xoài, 23 cây mít, 01 cây nhãn nằm trên thửa đất số 85, 86 nay là thửa 47, 23 và thửa số 56 (bản đồ Vlap); Thửa đất số 85 có diện tích 1.920m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 1.720m²) nay là thửa số 47 diện tích 1.258,2m² và thửa số 23 diện tích 1.256,7m² tờ bản đồ số 56 (bản đồ Vlap); Thửa đất số 366 diện tích 297m² nay là thửa số 30 diện tích 342,6m² tờ bản đồ số 32 (bản đồ Vlap); Thửa đất số 396 diện tích 544m² nay là thửa số 54 diện tích 576,9m² tờ bản đồ số 32 (bản đồ Vlap) và diện tích 360,9m² đất thuộc thửa đất số 86 là phần đất ở phía Tây thửa đất nay là thửa đất số 56 tờ bản đồ số 51 (bản đồ Vlap) có giới cận: Đông giáp phần đất chia giao cho bà Võ Thị H có chiều rộng từ mép đường bê tông phía Bắc kéo về phía Nam giáp mương nước là 8,5m; Tây giáp đường đi có chiều rộng là 10m; Nam giáp mương nước bê tông có chiều dài 42m; Bắc giáp đường bê tông có chiều dài 41,5m (có sơ đồ kèm theo). Có tổng giá trị tài sản là 242.029.400 đồng. Giao cho ông T một ngôi nhà cấp N8 xây dựng năm 1991 đã sập nát, hư hỏng không còn giá trị sử dụng trên thửa đất số 85 nay là thửa số 47 và thửa số 23. Ông T có nghĩa vụ thanh toán xuất thừa kế cho những người hưởng gồm:

Ông Võ Ngọc A 18.167.200 đồng.

Ông Võ Minh Th1 18.167.200 đồng.

Ông Võ Hoài N 18.167.200 đồng.

Bà Võ Thị H 13.537.600 đồng.

Ông Vũ Mộng Th 10.547.200 đồng.

Giao cho bà Võ Thị H được trọn quyền sử dụng phần đất ở phía Đông thửa đất số 86 nay là thửa số 56 tờ bản đồ số 51, phần đất có giới cận: Đông giáp thửa đất số 57 có chiều rộng 10,5m; Tây giáp phần đất giao cho ông T có chiều rộng 8,5m; Nam giáp mương nước bê tông có chiều dài 20m; Bắc giáp đường bê tông có chiều dài 20m, có giá trị 4.692.600 đồng, trên phần đất có ngôi nhà do bà H xây dựng. (có sơ đồ kèm theo)

Giao cho ông Vũ Mộng Th được trọn quyền sử dụng thửa đất số 1498x diện tích 330m², tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299), có giá trị 7.620.000 đồng.

Buộc ông Võ Quang T có nghĩa vụ lấy tiền từ khối di sản của cụ H1, cụ H2 trả cho bà Võ Thị H 4.800.000 đồng.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26/4/2019 bị đơn ông Vũ Mộng Th kháng cáo yêu cầu không công nhận di chúc của cụ H2 lập ngày 25/10/2008 là hợp pháp; 32 cây dừa trồng trên thửa đất số 85 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299) là do ông trồng không phải là di sản của cha mẹ ông; Trên thửa đất số 85, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299), thôn M, xã M1, huyện P có 02 ngôi mộ tổ và 01 móng nhà từ đường, ông yêu cầu ông T phải xây dựng tu bổ phần mộ của ông bà và phải xây nhà từ đường trên nền móng cũ không được bán; Trên thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7 có 01 móng nhà do ông xây dựng vào năm 1980; Chia thừa kế đối với số tiền ông T đã nhiều lần khai thác gỗ trong vườn và trên rẫy trị giá 100.000.000 đồng để sửa chữa nhà cho mẹ ở nhưng ông T không sửa chữa cộng với nguồn thu hoa lợi hàng năm lên tới hàng trăm triệu nhưng ông T giữ riêng + 08 chỉ vàng của cha mẹ ông hiện ông T đang giữ + ông T và ông Võ Ngọc A giữ sổ tiết kiệm gần hai trăm triệu đồng của cha ông và ông T mượn của cha ông 10 chỉ vàng để mua nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Mộng Th nhưng bản án sơ thẩm tính toán sai nên sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Mộng Th rút yêu cầu kháng cáo đối với 08 chỉ vàng của cha mẹ ông mà ông cho rằng khi còn sống, cha ông cho người khác vay. Sau khi cha ông chết, ông đi đòi số vàng này và đưa cho ông T tại nhà ông Võ Ngọc A nhưng sau đó anh em ông quyết định đưa mẹ ông về quê dưỡng bệnh nên ông T theo về và lấy 08 chỉ vàng này để cho vợ chồng ông Võ Đông S, bà Trương Thị V vay để lấy lãi nuôi mẹ; Rút kháng cáo về việc ông T và ông Võ Ngọc A giữ sổ tiết kiệm gần hai trăm triệu đồng của cha ông và rút kháng cáo đối với việc ông T mượn của cha ông 10 chỉ vàng để mua nhà.

Việc rút một phần kháng cáo của ông Th là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo trên của ông Vũ Mộng Th.

[1.2] Trong giai đoạn tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th tự ý rời khỏi phòng xét xử không tiếp tục tranh tụng và nghe tòa xét xử nhưng ông Th đã có đầy đủ lời khai tại tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất rằng vợ chồng cụ Võ Minh H1 (Võ Duy C), Lâm Thị H2 có 06 người con là: Bà Võ Thị H, ông Võ Ngọc A, ông Võ Quang T, ông Vũ Mộng Th, ông Võ Minh Th1 và ông Võ Hoài N.

Cụ Võ Minh H1 chết ngày 17/8/2006 không để lại di chúc. Cụ Lâm Thị H2 chết ngày 02/11/2015. Ngày 25/10/2008, cụ H2 lập di chúc với nội dung để lại $\frac{1}{2}$ khối tài sản của vợ chồng cụ và phần tài sản mà cụ được thừa kế của cụ H1 cho ông Võ Quang T. Di chúc của cụ H2 được lập tại nhà của ông Võ Ngọc A (số 50/7 L, thành phố Q, tỉnh Bình Định). Ông Vũ Mộng Th cho rằng bản di chúc do ông T xuất trình có chữ ký của cụ H2 nhưng theo ông thời điểm này mẹ ông bị bệnh, không còn minh mẫn nên ông không công nhận di chúc.

Xét tính hợp pháp của Di chúc đề ngày 25/10/2008 do cụ H2 lập, Hội đồng xét xử thấy rằng: Di chúc có 03 người làm chứng, thực hiện đúng quy định tại Điều 632 Bộ luật Dân sự (BLDS), có chữ ký của người lập di chúc là cụ H2, được Văn phòng Luật sư P – Đoàn luật sư Bình Định xác nhận nên theo quy định tại Điều 634 BLDS, Di chúc của cụ H2 lập ngày 25/10/2008 là hợp pháp do đó yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Mộng Th không công nhận di chúc của cụ Lâm Thị H2 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về di sản của vợ chồng cụ Võ Minh H1, cụ Lâm Thị H2: Theo ông Võ Quang T và các thừa kế của vợ chồng cụ H1, cụ H2 gồm: Bà Võ Thị H, ông Võ Ngọc A, ông Võ Minh Th1 và ông Võ Hoài N, tài sản do vợ chồng cụ H1 tạo lập bao gồm:

Thửa đất số 366, diện tích 279m² loại đất trồng lúa;

Thửa đất số 369, diện tích 544m² loại đất trồng lúa;

Thửa đất số 1498x, diện tích 330m² loại đất màu (hiện ông Vũ Mộng Th đang quản lý);

Thửa đất số 86, diện tích 518m² loại đất màu;

Thửa đất số 85, diện tích 1.920m² trong đó có 200m² đất ở và 1.720m² đất vườn;

Các thửa đất nêu trên đều thuộc tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299) tại thôn M, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định.

Theo bản đồ Vlap, các thửa đất trên được đo đạc lại như sau:

Thửa đất số 366, diện tích 279m² loại đất trồng lúa nay là thửa số 30, tờ bản đồ số 32, diện tích 343,6m²;

Thửa đất số 369, diện tích 544m² loại đất trồng lúa nay là thửa số 54, tờ bản đồ số 32, diện tích 576,9m²;

Thửa đất số 85, diện tích 1.920m² trong đó có 200m² đất ở và 1.720m² đất vườn nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.256,7m² loại đất vườn và thửa số 47 tờ bản đồ số 56, diện tích 1.258,2m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.058,2m² đất trồng cây hàng năm khác). Trên thửa đất số 23 có 01 ngôi mộ, 01 giếng đào, 32 cây dừa, 12 cây me, 08 cây bạch đàn, 02 cây mận, 02 cây xoài, 23 cây mít, 01 cây mù u và 01 cây nhãn.

Thửa đất số 86, diện tích 518m² loại đất màu nay là thửa số 56, tờ bản đồ số 51, diện tích 551m². Trên thửa đất số 56 có 01 ngôi nhà mã hiệu N8, diện tích 15,9m² do vợ chồng cụ H1 xây dựng từ năm 1991 hiện nay đã bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và mái hiên diện tích 11,61m² xây dựng năm 1992. Năm 2017, bà Võ Thị H thay lại mái tole.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/6/2010, ông Vũ Mộng Th yêu cầu định giá lại tài sản là thửa đất số 85 và thửa đất số 86 nhưng ngày 02/7/2010, ông Th có Đơn xin rút yêu cầu định giá lại.

Ông Th kháng cáo cho rằng 32 cây dừa trồng trên thửa đất số 85 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299) là do ông trồng không phải là di sản của cha mẹ ông nhưng ông T không đồng ý. Ông T cho rằng dừa do cha mẹ trồng trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cha mẹ, cha mẹ ông là người thu hoạch quả cho đến khi qua đời. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại Biên bản công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải, ông Th đều không trình bày và không yêu cầu đối với 32 cây dừa. Tại cấp phúc thẩm, ông Th không chứng minh được số dừa 32 cây nêu trên là do ông trồng và thuộc sở hữu của ông nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Th.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Th về việc trên thửa đất số 85, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299), thôn M, xã M1, huyện P có 02 ngôi mộ tổ và 01 móng nhà từ đường, ông Th yêu cầu ông T phải xây dựng tu bổ phần mộ của ông bà và phải xây nhà từ đường trên nền móng cũ không được bán tuy nhiên phần đất nêu trên tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho ông T sử dụng gắn với việc sở hữu 01 ngôi nhà cấp N8 xây dựng năm 1991 đã sập nát, hư hỏng không còn giá trị sử dụng. Việc tu bổ chăm sóc phần mộ của ông bà là trách nhiệm của tất cả con cháu không riêng gì ông T do đó nên ông T cũng như các con cháu đều phải có trách nhiệm chăm sóc phần mộ của ông bà.

Ông Th kháng cáo cho rằng trên thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7 có 01 móng nhà do ông xây dựng vào năm 1980. Năm 2003, ông cho cụ Võ Minh H1 mượn làm quán buôn bán. Năm 2006, cụ H1 chết, nhà quán xuống cấp nên ông cho bà Võ Thị H mượn tu bổ và buôn bán nhưng Tòa án sơ thẩm giao đất cho ông T mà không giải quyết phần nền móng cho ông. Xét kháng cáo này của ông Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: phần đất mà ông Th cho rằng có nền móng nhà của ông là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ H1, ông Th không xuất trình được chứng cứ về việc vợ chồng cụ H1 đã cho đất cho ông sử dụng, ông T không thừa nhận mà khẳng định rằng ngôi nhà là của cha mẹ ông xây dựng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông và những anh chị em của ông như bà H, ông Th1, ông N đều không có ai cho rằng nền móng nhà do ông xây dựng mà đều xác nhận ngôi nhà là tài sản của vợ chồng cụ H1 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông.

Đối với kháng cáo của ông Th về việc ông T đã nhiều lần khai thác gỗ trong vườn và trên rẫy trị giá 100.000.000 đồng để sửa chữa nhà cho mẹ ở nhưng ông T không sửa chữa cộng với nguồn thu hoa lợi hàng năm lên tới

hàng trăm triệu nhưng ông T giữ riêng nhưng yêu cầu này của ông Th không được ông T thừa nhận. Lời khai của anh Trần Ngọc X là người mà ông Th cho rằng ông T đã bán gổ xác định rằng trước đây anh có mua gổ bạch đàn của cụ H2 02 lần, không nhớ thời gian cụ thể nhưng lần thứ nhất cách đây 20 năm, mua một cây bạch đàn với giá 300.000 đồng, anh trực tiếp đưa tiền cho cụ H2, lần thứ hai cách lần thứ nhất vài năm, thời điểm này cụ H2 đã yếu, ông T là người ở cùng chăm sóc cho cụ H2, ông T bán cho anh 15 cây bạch đàn do bạch đàn phơi nắng đã lâu, bị thấm nước mưa và bị mối ăn nên anh chỉ mua với giá khoảng 500 ngàn đồng đến 600 ngàn đồng, anh trực tiếp đưa tiền cho ông T để chi phí cho cụ H2. Lời khai của anh Nguyễn Ngọc Ng là cháu gọi ông Th và ông T là cậu ruột (anh Ng là con của bà Võ Thị H) thì khẳng định rằng ông T bảo anh canh tác 02 thửa ruộng, tiền bán lúa anh phụ giúp ông Tạo để lo cúng giỗ ông bà, anh không thuê ruộng của ông T. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Th không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích tại [2], Hội đồng xét xử thấy rằng bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ theo Biên bản định giá ngày 06/6/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính sai giá trị tài sản nên đã buộc ông T phải thanh toán kỷ phần cho các thừa kế với số tiền không đúng vì vậy phải sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Tổng giá trị tài sản là 258.362.105 đồng được trừ số tiền 4.800.000 đồng (giá trị các tấm tole mà bà H đã lợp) còn lại 253.562.105 đồng.

Phần di sản của cụ Võ Minh H1 là 253.562.105 đồng : 2 = 126.781.053 đồng được chia cho 07 thừa kế gồm: Cụ Lâm Thị H2, bà Võ Thị H, ông Võ Ngọc A, ông Võ Quang T, ông Vũ Mộng Th, ông Võ Minh Th1 và ông Võ Hoài N mỗi thừa kế được hưởng 18.111.579 đồng.

Phần di sản của cụ H2 là 126.781.053 đồng + 18.111.579 đồng = 144.892.632 đồng. Di sản của cụ H2 do ông T được hưởng theo di chúc.

Như vậy, ông T phải thanh toán cho các thừa kế, cụ thể như sau:

Ông Võ Ngọc A, ông Võ Minh Th1 và ông Võ Hoài N mỗi người 18.111.579 đồng;

Bà Võ Thị H 12.903.279 đồng;

Ông Vũ Mộng Th 10.851.579 đồng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Vũ Mộng Th được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm do ông Th là người cao tuổi.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Mộng Th nhưng bản án sơ thẩm tính toán sai nên sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 298; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 634, 649, 651 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc Th; Sửa bản án sơ thẩm.

1. Xác định di chúc của cụ Lâm Thị H2 lập ngày 25/10/2008 là hợp pháp.

2. Tài sản của cụ Lâm Thị H2 và cụ Võ Minh H1 được chia theo pháp luật và theo di chúc như sau:

2.1 Giao cho ông Võ Quang T được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản tại thôn M, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định hiện ông đang quản lý gồm:

- 01 ngôi nhà cấp N8 diện tích 15,91m² tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 51 (bản đồ Vlap);

- 01 giếng nước, 32 cây dừa, 12 cây me, 08 cây bạch đàn, 02 cây mận, 02 cây xoài, 23 cây mít, 01 cây nhãn nằm trên thửa 47, 23 và thửa số 56 (bản đồ Vlap);

- Thửa đất số 47, diện tích 1.258,2m² và thửa số 23, diện tích 1.256,7m², tờ bản đồ số 56 (bản đồ Vlap);

- Thửa đất số 30, diện tích 342,6m², tờ bản đồ số 32 (bản đồ Vlap);

- Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 32, diện tích 576,9m² (bản đồ Vlap);

- Diện tích đất 360,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 51 (bản đồ Vlap), có giới cận: Đông giáp phần đất chia giao cho bà Võ Thị H có chiều rộng từ mép đường bê tông phía Bắc kéo về phía Nam giáp ruộng nước là 8,5m; Tây giáp đường đi có chiều rộng là 10m; Nam giáp ruộng nước bê tông có chiều dài 42m; Bắc giáp đường bê tông có chiều dài 41,5m (Có sơ đồ kèm theo).

2.2 Buộc ông Võ Quang T phải thanh toán kỹ phần thừa kế cho các thừa kế như sau:

- Ông Võ Ngọc A, ông Võ Minh Th1 và ông Võ Hoài N mỗi người 18.111.579 đồng;

- Bà Võ Thị H 12.903.279 đồng;

- Ông Vũ Mộng Th 10.851.579 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Bà Võ Thị H được quyền sử dụng phần đất ở phía Đông thửa đất số 56, tờ bản đồ số 51 tại thôn M, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định, có giới cận: Đông giáp thửa đất số 57 kích thước 10,5m; Tây giáp phần đất giao cho ông T kích thước 8,5m; Nam giáp mương nước bê tông kích thước 20m; Bắc giáp đường bê tông kích thước 20m. Trên phần đất giao cho bà H sử dụng có ngôi nhà do bà H xây dựng (hiện bà H đang quản lý) (Có sơ đồ kèm theo).

2.4 Ông Vũ Mộng Th được quyền sử dụng thửa đất số 1498x, diện tích 330m², tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299) tại thôn M, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định. (Hiện ông Th đang quản lý)

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Mộng Th được miễn toàn bộ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hồ Tuấn Anh